TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 264/2017/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 14 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 374/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Thành L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Chị Đặng Thị Hoài T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Thành L và chị Đặng Thị Hoài T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Vũ Thành L và chị Đặng Thị Hoài T có 01 con chung là cháu Vũ Thành P, sinh ngày 16/4/2016. Ly hôn, anh L và chị T thỏa thuận:

Giao con chung là cháu Vũ Thành Phú, sinh ngày 16/4/2016 cho chị Đặng Thị Hoài T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Thành L có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng để chị Đặng Thị Hoài T nuôi con chung là cháu Vũ Thành P. Việc cấp dưỡng được anh L thực hiện từ tháng 7/2017, vào ngày 20 hàng tháng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Vũ Thành L và chị Đặng Thị Hoài T không có tài sản chung và nghĩa vụ chung nên Tòa án không đề cập đến.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, anh Vũ Thành L phải chịu 75.000 đồng, chị Đặng Thị Hoài T phải chịu 75.000 đồng, anh L tự nguyện chịu thay cho chị T số tiền 75.000 đồng; Anh L phải chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tất cả được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh Vũ Thành L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003271 ngày 06/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện KSND Tp. P;
- Thi hành án DS Tp. P;
- UBND phường H, Tp. P
(Giấy CNKH số 33;quyển số 01/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Văn Nhàn

Mẫu số 40-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN NHÂN DÂN……[1]	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:……/……/QĐST-HNGĐ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

…., ngày…… tháng …… năm ……

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ ngày.....tháng....năm....., giữa[2]:

.....
.....
.....

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…..tháng……năm …..

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…. tháng..... năm ..... là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.
Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa [3] .....
.....
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:[4] .....
.....
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:	**THẨM PHÁN**
- Đương sự;	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;	
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;	
- Lưu hồ sơ vụ án.	

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.
(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).